BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:3390 /QĐ-TĐHHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học theo Chuẩn đầu ra đối với các học phần giảng dạy tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Căn cứ Nghị quyết 18/NQ-HĐTĐHHN, ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học theo Chuẩn đầu ra đối với các học phần giảng dạy tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Điều 2. Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Phó Hiệu trưởng Vũ Danh Tuyên;
- Lưu: VT, KTĐBCL, MTT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Lê Thị Trinh

HƯỚNG DẪN
THIẾT KẾ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC THEO CHUẨN ĐẦU RA ĐỐI VỚI CÁC HỌC PHẦN GIẢNG DẠY TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này hướng dẫn về thiết kế các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học theo Chuẩn đầu ra đối với tất cả các học phần (gồm lý thuyết, thực hành, thực hành kết hợp lý thuyết…) thuộc các chương trình đào tạo được giảng dạy trực tiếp, trực tuyến và kết hợp trực tiếp với trực tuyến tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (Trường);

2. Văn bản này áp dụng đối với tất cả các đơn vị, giảng viên (bao gồm cơ hữu, thỉnh giảng) thực hiện giảng dạy trong các chương trình đào tạo của Nhà trường.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chương trình đào tạo (CTĐT) là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học, thạc sĩ, tiến sĩ cho người học. CTĐT bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra (CĐR) phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. Chuẩn đầu ra CTĐT (Program Learning Outcome - PLO) là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một CTĐT, gồm các yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm.

3. Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcome - CLO) là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm mà người học đạt được sau khi hoàn thành học phần.

4. Đánh giá kết quả học tập của người học là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá bảo đảm nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ nhằm đo lường và đánh giá chuẩn đầu ra của người học đối với học phần và CTĐT.

5. Phương pháp đánh giá mức độ đạt CĐR trực tiếp là phương pháp đánh giá mà dữ liệu đánh giá được thu thập từ kết quả đánh giá quá trình, thi kết thúc các học phần của người học;

6. Rubric là công cụ đánh giá/ chấm điểm, được thiết kế dưới dạng ma trận, do giảng viên/ nhóm giảng viên xây dựng và được thống nhất thông qua trong bộ môn để hỗ trợ đánh giá chi tiết một sản phẩm hoặc một hoạt động học tập, hay quá trình học tập của người học.

Điều 3. Mục đích thiết kế các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học theo Chuẩn đầu ra

1. Thống nhất việc thiết kế các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học theo CĐR đối với tất cả các học phần được triển khai giải dạy thuộc các CTĐT của Nhà trường;

2. Tạo lập được công cụ kiểm tra, đánh giá bảo đảm tính khách quan, tính tin cậy và hỗ trợ thực hiện việc đo lường, đánh giá mức độ đáp ứng CĐR của người học đối với học phần, CTĐT;

3. Là căn cứ để thực hiện bảo đảm chất lượng đối với hoạt động khảo thí và hoạt động đào tạo người học trong Trường.

CHƯƠNG II
THIẾT KẾ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC ĐỐI VỚI CÁC HỌC PHẦN

Điều 4. Nguyên tắc thiết kế và thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học

1. Bảo đảm sự kết nối giữa đánh giá kết quả học tập người học với các phương pháp dạy - học và mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần theo mô hình:

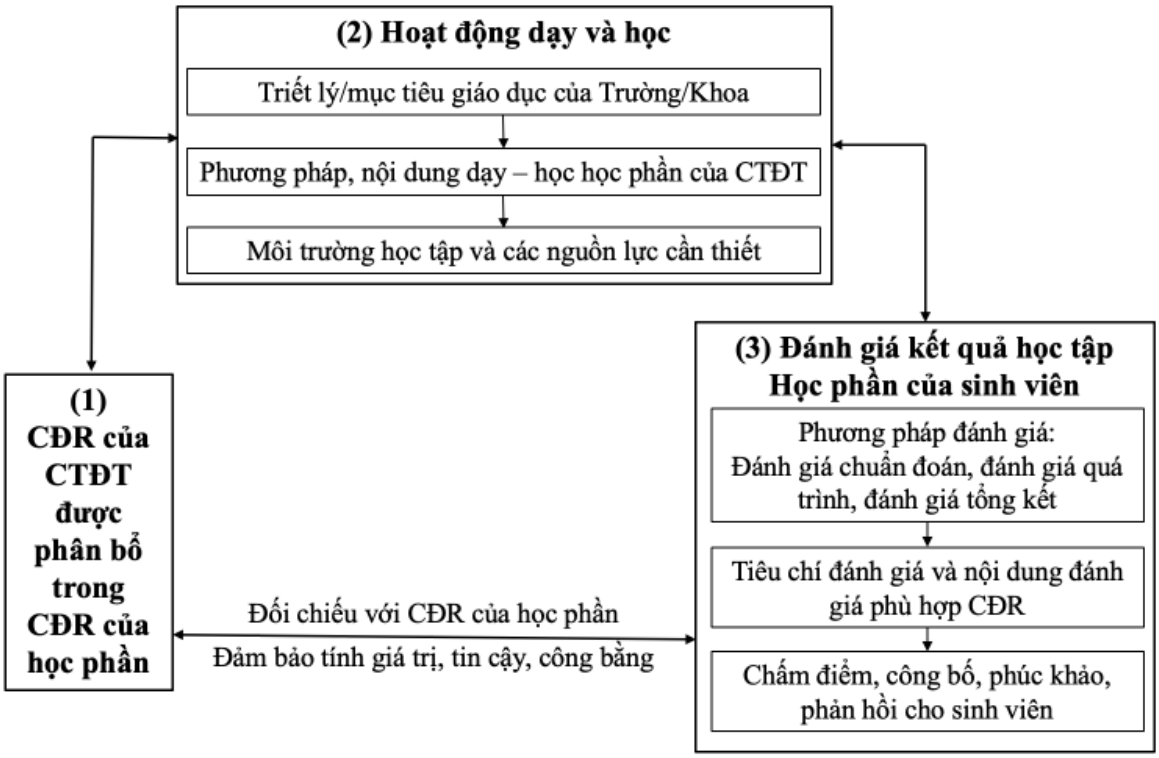

2. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá được lựa chọn đối với mỗi học phần phải phù hợp với các phương pháp dạy học và mức độ đạt chuẩn đầu ra học phần theo thang đã được xác định (tham khảo Phụ lục 01) và phù hợp với các hình thức giảng dạy trực tiếp, trực tuyến và kết hợp trực tiếp với trực tuyến.

3. Giảng viên thiết kế các phương pháp kiểm tra, đánh giá theo đúng thang bậc và mức độ đạt được của các thang, bậc tương ứng với các chuẩn đầu ra:

a. Các khối kiến thức theo thang Bloom;

Thang nhận thức / 04 khối kiến thức	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo
1. Kiến thức thông tin: Định nghĩa thuật ngữ, thông tin chi tiết và yếu tố => là những thông tin cơ bản để giao tiếp, hiểu, tổ chức một chủ đề học	x	x				

Thang nhận thức / 04 khối kiến thức	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo
thuật/ thuật ngữ của khoa học, tên gọi, từ vựng, ký hiệu hoặc biểu diễn, các chi tiết cụ thể như các kiến thức về kỹ năng, sự kiện, con người…						
2. Kiến thức khái niệm: Phân loại theo tiêu chuẩn khoa học, nguyên lý và các dạng, lý thuyết, mô hình, cấu trúc => là các nguyên tắc, lý thuyết, mô hình hay cấu trúc của một chủ thể.			x	x	x	
3. Kiến thức quy trình: Kiến thức về thuật toán, kỹ thuật và phương pháp, các tiêu chí để xác định khi nào sử dụng thủ tục thích hợp => biết cách thực hiện các thuật toán, kỹ thuật hoặc phương pháp để tạo được sản phẩm của riêng mình.				x	x	x (Sản phẩm mới)
4. Kiến thức siêu nhận thức: Kiến thức mang tính chiến lược, kiến thức về bối cảnh, biết làm một cách phù hợp với bối cảnh và điều kiện, tự đánh giá được mức độ hiểu biết của bản thân.					x (Tự đánh giá)	x (Tự học, tự cải tiến)

b. Các kỹ năng theo thang Dave;

Thang kỹ năng / 03 loại kỹ năng	Bắt chước	Vận dụng	Chuẩn hoá	Thành thạo	Kỹ xảo
1. Kỹ năng tổng quát: giao tiếp, ngoại ngữ, làm việc nhóm	x	x	x		
2. Kỹ năng thuộc kỹ thuật chuyên biệt của nghề nghiệp				x	x
3. Kỹ năng tư duy chuyên biệt của nghề nghiệp				x	x

c. Các năng lực tự chủ và trách nhiệm (thái độ) theo thang Krathwohl.et.al.

Thang cảm xúc / 03 loại cảm xúc	Cầu thị	Cởi mở	Đưa ra thái độ	Hình thành/ quan điểm	Tiếp thu chủ động
1. Cảm xúc về môi trường xã hội và bối cảnh nghề nghiệp	x	x			
2. Cảm xúc về đạo đức và tác phong nghề nghiệp			x		
3. Cảm xúc về ý thức học tập suốt đời				x	x

4. Giảng viên có quyền được lựa chọn và sử dụng một hoặc nhiều phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học bảo đảm phù hợp với chuẩn đầu ra, hình thức giảng dạy, quy định về hoạt động khảo thí (thiết kế câu hỏi thi, đề thi, chấm điểm bài thi…) để thiết kế đưa vào đề cương chi tiết học phần.

Ví dụ về mối liên hệ giữa các phương pháp kiểm tra, đánh giá đối với các CĐR và trọng số tương ứng.

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CĐR học phần	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài kiểm tra	80	CLO1, CLO3	20
		A1.2	Chuyên cần	20	CLO5	
		Tổng		**100%**	-	
	Điểm số 2	A1.3	Bài tập nhóm	100	CLO2, CLO3, CLO4	20
		Tổng		**100%**	-	
A2. Thi kết thúc học phần (Tự luận)	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	100	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	**60**

5. Giảng viên thiết kế các khối kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm thuộc các thang Bloom, Dave và Krathwohl.et.al gắn với từng CLO tương ứng:

Ví dụ: Mẫu thiết kế các khối kiến thức thuộc thang Bloom gắn với CLO cụ thể:

CLO_i: Liệt kê CLO thứ i của học phần theo ĐCCT	
(1) NHỚ	(*)
(2) HIỂU	
(3) VẬN DỤNG	
(4) PHÂN TÍCH	
(5) ĐÁNH GIÁ	
(6) SÁNG TẠO	

(*) Căn cứ vào mối tương thích các khối kiến thức tại điểm a, khoản 3, Điều 4, liệt kê các khối kiến thức cần thiết dự kiến để đo lường CLO_i

Giảng viên căn cứ vào mẫu trên có thể thiết kế đối vố các Chuẩn đầu ra kỹ năng theo thang Dave và Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm theo thang Krathwohl.et.al.

Điều 5. Đề xuất các phương pháp kiểm tra, đánh giá đối với các học phần

1. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá quá trình

a. Đánh giá chuyên cần (Attendence Check): Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của người học cũng như những đóng góp của người học trong quá trình học cũng phản ánh thái độ học tập, mức độ đổi mới phương pháp học tập của người học. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện tham khảo theo Rubric R01.

b. Đánh giá bài tập nhóm (Work Assignment)/ Thảo luận nhóm: Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo tiêu chí tham khảo theo Rubric R02 hoặc theo đáp án của bài tập.

c. Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation): Trong một số học phần thuộc CTĐT, người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và giảng viên yêu cầu nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm trước lớp. Hoạt động này giúp người học đạt được những kiến thức chuyên ngành, phát triển các kỹ năng như giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm... Giảng viên đánh giá nhóm và cá nhân theo mẫu Rubric R04a và R04b. Trường hợp, việc đánh giá thuyết trình theo cá nhân, giảng viên thực hiện đánh giá theo mẫu Rubric R03.

d. Bài kiểm tra tự luận trên giấy (thời lượng theo yêu cầu của hoạt động giảng dạy): Theo phương pháp này, người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp này là tháng 10. Số lượng câu hỏi đánh giá tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

Đối với trường hợp bài kiểm tra kết hợp giữa tự luận và một phần trắc nghiệm khách quan được thực hiện trên giấy, trong phạm vi hướng dẫn này được quy về hình thức kiểm tra tự luận.

đ. Bài kiểm tra trắc nghiệm (trường hợp 100% dạng trắc nghiệm khách quan) (thời lượng theo yêu cầu của hoạt động giảng dạy): Phương pháp này tương tự phương pháp kiểm tra tự luận, người học được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đề kiểm tra được thiết kế sẵn. Điểm khác biệt là người học trả lời dựa trên những gợi ý được thiết kế sẵn và in trên đề thi (áp dụng đối với cả hình thức trên giấy và trên máy).

e. Bài kiểm tra vấn đáp: Trong phương pháp này, người học được đánh giá thông qua phỏng vấn và hỏi đáp trực tiếp. Giảng viên đánh giá kết hợp giữa đáp án đã có sẵn và theo mẫu Rubric R03.

f. Đánh giá thông qua bài tập lớn: Đánh giá thông qua bài tập lớn là hình thức đánh giá năng lực vận dụng kiến thức lý thuyết đã được tiếp thu vào giải quyết một vấn đề của thực tiễn (thường gắn với một học phần cụ thể) hay nói cách khác hình thức đánh giá này yêu cầu người học phải nắm được kiến thức cơ bản của học phần, tìm tòi các vấn đề thực tiễn để xây dựng kế hoạch nghiên cứu, triển khai. Giảng viên đánh giá bài tập lớn thông qua các tiêu chí có thể tham khảo theo mẫu Rubric R05.

g. Đánh giá theo chuyên đề Seminar: Đánh giá theo chuyên đề Seminar là hình thức báo cáo kết quả chuyên đề học tập, mà trong đó người học chính là người phải chủ động hoàn toàn mọi bước từ khâu chuẩn bị tài liệu học tập, trình bày nội dung và đưa dẫn chứng. Trong đó, giảng viên cho cho người học chủ trì việc trao đổi, thảo luận với các thành viên khác và sau cũng phải tự rút ra được kết luận về nội dung học hay vấn đề khoa học vừa đề cập đến. Cuối cùng là đề xuất các phương án hoặc hướng đi mới để phát triển mở rộng nội dung. Giảng viên đánh giá người học theo chuyên đề Seminar có thể tham khảo một số tiêu chí theo mẫu Rubric R06.

h. Đánh giá thực hành: Tùy theo tính chất của mỗi học phần, việc đánh giá thực hành được thiết kế có thể bao gồm: thực hiện các kỹ thuật phân tích tại phòng thí nghiệm, thực hành mô phỏng, đánh giá ngoài trời, triển khai phát triển sản phẩm, phần mềm... Đánh giá thực hành có thể được sử dụng để đánh giá tư duy bậc cao. Giảng viên đánh giá thực hành đối với người học tham khảo mẫu Rubric R07.

i. Đánh giá thông qua hoạt động đi thực tế (Field Trip): Việc đánh giá các hoạt động đi thực tế (Field Trip) được giảng viên thực hiện gắn với đặc thù từng học phần với thời gian ngắn (có thể là 1 buổi đến 2-3 ngày) nhằm đánh giá được việc tiếp nhận các kiến thức thực tế gắn với một số kiến thức cụ thể được giảng viên giảng dạy đề xuất. Giảng viên đánh giá người học thông qua hoạt động đi thực tế có thể tham khảo các tiêu chí tại mẫu Rubric R08.

k. Đánh giá thông qua kiến tập tại cơ sở: Đánh giá người học thông qua hoạt động kiến tập tại cơ sở gắn với các nhiệm vụ cụ thể tại cơ sở thực tập, có thể đánh giá

tư duy bậc cao. Phương pháp này cũng có thể sử dụng để đánh giá kỹ năng (đặc biệt là chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu công việc). Việc đánh giá được thực hiện bởi giảng viên hoặc cán bộ giám sát tại cơ sở, có thể tham khảo các tiêu chí theo mẫu Rubric R9a và sản phẩm của quá trình thực tập tại cơ sở được giảng viên đánh giá theo các tiêu chí mẫu Rubric R9b.

l. Đánh giá dự án (project): Đánh giá dự án là xem xét một cách có hệ thống để xác định tính hiệu quả, mức độ thành công và những tác động theo các tiêu chí khác nhau (có thể ở khía cạnh về kinh tế, xã hội, môi trường…) của dự án so với mục tiêu đã đề ra. Giảng viên tổ chức cho người học triển khai các dự án và đánh giá mức độ hoàn thành dự án theo các tiêu chí tham khảo theo mẫu Rubric R10.

m. Đánh giá thông qua bài tiểu luận: Đánh giá thông qua bài tiểu luận là hình thức thường dùng để người học trình bày về một vấn đề nào đó hay đề xuất/ kết luận liên quan đến một mục tiêu cụ thể, có thể sử dụng để đánh giá tư duy bậc cao. Giảng viên yêu cầu người học viết bài tiểu luận dựa trên thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin theo một hoặc nhiều phương pháp khác nhau và đánh giá bài tiểu luận thông qua các tiêu chí khác nhau, giảng viên có thể tham khảo mẫu Rubric R11.

2. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết thúc học phần

a. Bài thi tự luận (tương tự điểm d, khoản 1);

b. Bài thi trắc nghiệm (tường tự điểm đ, khoản 1);

c. Bài thi vấn đáp (tương tự điểm e, khoản 1);

d. Thực hành (phòng máy, phòng thí nghiệm, ngoài trời) (tương tự điểm h, khoản 1);

đ. Bài tập lớn (tương tự điểm f, khoản 1).

3. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết thúc khóa học: Khóa luận tốt nghiệp

Đánh giá thông qua khóa luận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định đào tạo tín chỉ của Nhà trường nhằm đánh giá toàn diện và tổng hợp các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm người học. Giảng viên đánh giá khóa luận tốt nghiệp có thể tham khảo các tiêu chí theo mẫu Rubric R12.

4. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá trên được Nhà trường gợi ý để sử dụng thống nhất trong tất cả các học phần, trường hợp phát sinh các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác (do đặc thù của học phần), đề nghị các Khoa/ Bộ môn tổng hợp, có ý kiến phản hồi về Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục để được hỗ trợ giải quyết.

Điều 6. Mối liên hệ giữa các phương pháp kiểm tra, đánh giá với các nhóm chuẩn đầu ra của học phần

1. Căn cứ vào sơ đồ mối quan hệ giữa phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra của học phần tại khoản 1, điều 4, giảng viên lựa chọn các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp theo hướng gợi ý sau:

Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Các CĐR về kiến thức (Bloom 6 bậc)	Các CĐR về kỹ năng (Dave 5 bậc)	Các CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm (Kra 5 bậc)
1. Đánh giá quá trình			
(1) Đánh giá chuyên cần (Attendence Check)			x
(2) Đánh giá bài tập nhóm (Work Assignment)/ Thảo luận nhóm	x	x	
(3) Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	x	x	
(4) Bài kiểm tra tự luận (thời lượng theo yêu cầu của hoạt động giảng dạy)	x		
(5) Bài kiểm tra trắc nghiệm (thời lượng theo yêu cầu của hoạt động giảng dạy)	x		
(6) Bài kiểm tra vấn đáp	x	x	
(7) Đánh giá thông qua bài tập lớn	x	x	x
(8) Đánh giá theo chuyên đề Seminar	x	x	x
(9) Đánh giá thực hành		x	x
(10) Đánh giá thông qua hoạt động đi thực tế (Field Trip)		x	x
(11) Đánh giá thông qua kiến tập tại cơ sở		x	x
(12) Đánh giá dự án (project)	x	x	x
(13) Đánh giá thông qua bài tiểu luận	x		x
2. Thi kết thúc học phần			
(1) Bài thi tự luận	x		
(2) Bài thi trắc nghiệm	x		
(3) Bài thi vấn đáp	x	x	
(4) Bài tập lớn	x	x	x
(5) Thực hành		x	x
3. Học phần khoá luận tốt nghiệp (sử dụng phục vụ đánh giá kết thúc khoá học)			
(1) Khoá luận tốt nghiệp	x	x	x

2. Việc lựa chọn các phương pháp kiểm tra, đánh giá mang tính định hướng gắn với một hoặc một số CĐR (thể hiện sự tập trung và phù hợp nhất), không đồng nghĩa các phương pháp kiểm tra, đánh giá đó không đo lường được các CĐR còn lại. Tùy

vào đặc thù hoạt động giảng dạy và đặc thù của từng học phần, giảng viên có thể lựa chọn các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp.

Điều 7. Hồ sơ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học theo Chuẩn đầu ra:

Hồ sơ triển khai đánh giá kết quả học tập của người học gồm:

1. Bản mô tả CTĐT đã được Nhà trường phê duyệt;

2. Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt;

3. Hệ thống đề kiểm tra/thi, bài kiểm tra/thi và rubric đánh giá;

4. Thời khoá biểu và lịch thi;

5. Hồ sơ thiết kế câu hỏi, đề thi (mẫu đề thi và đề thi);

6. Hồ sơ kết quả kiểm tra quá trình, thi kết thúc học phần.

Điều 8. Thiết kế các Rubrics trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học

1. Xác định rõ các phương pháp kiểm tra, đánh giá: Các phương pháp kiểm tra, đánh giá được xác định trên cơ sở các phương pháp dạy và học (gợi ý theo Phụ lục 01).

Ví dụ thể hiện sự tương quan giữa phương pháp kiểm tra, đánh giá với phương pháp dạy và học:

- Phương pháp dạy và học được giảng viên xác định: Thuyết trình, thảo luận nhóm, tổ chức project học phần...

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá được được giảng viên xác định tương ứng với phương pháp giảng dạy ở trên:

+ Đánh giá quá trình: chuyên cần, thảo luận, làm bài tập, thuyết trình, báo cáo project học phần...

+ Đánh giá kết thúc học phần: bài thi tự luận.

2. Xác định tiêu chí đánh giá và trọng số đánh giá

Giảng viên sẽ đưa ra những tiêu chính đánh giá phù hợp bảo đảm đo lường được mức độ thực hiện của người học đối với yêu cầu chuẩn đầu ra của học phần.

Ví dụ:

CLO_i	Chuyên cần (%)	Thảo luận (%)	Làm bài tập (%)	Thuyết trình (%)	Báo cáo Project (%)	Thi kết thúc học phần (%)
CLO1		x		x		x
CLO2			x		x	
CLO3						x
CLO4	x		x			
...						

3. Các loại rubrics

Căn cứ vào chức năng và mục đích đánh giá, có thể chia rubrics thành 03 loại: bảng kiểm (checklist rubric), tổng hợp (holistic rubric) và phân tích (analytic rubric).

a. Mẫu rubrics bảng kiểm

Tiêu chí đánh giá	**Điểm tối đa**	**Điểm**	**Nhận xét của giảng viên**
Nội dung	**60**		
- Khái quát được nội dung về chủ đề nghiên cứu	10		
...			
Bố cục	**10**		
Các phần (các nội dung) được bố cục rõ ràng, phân bổ đều	5		
...			
Trình bày	**20**		
Câu văn trình bày rõ ràng, dễ hiểu	10		
...			
Thưởng	**10**		
Tổng	**100**		

b. Mẫu rubrics tổng hợp

Điểm	**Tiêu chí đánh giá**
10	...
9	Báo cáo thực tập tại cơ sở chứng tỏ hiểu biết đầy đủ và thực hiện được các mục tiêu đề ra. Có khả năng quan sát, học hỏi hỏi và mô tả chính xác các nội dung chính liên quan đến đợt thực tập
8	...
...	
5	

c. Mẫu rubrics phân tích

Tiêu chí	**Thang điểm đánh giá**			
	0-4 điểm	5-7 điểm	8-9 điểm	10 điểm
Nội dung				
Hình thức				
Thuyết trình				
...				

** Trong hướng dẫn này đề xuất thiết kế các rubric phân tích (Vì tính phổ biến và cụ thể của rubric phân tích).*

4. Nguyên tắc thiết kế các rubrics

Việc thiết kế các rubrics dựa trên nguyên tắc chung là so sánh, đối chiếu và kiểm chứng kết quả đạt được của người học với CĐR của của học phần (CLO) và CĐR của các hoạt động học tập (nếu có) được xác định từ trước.

a. Xây dựng các tiêu chí của rubric căn cứ vào các CLO/hoạt động học tập cần được đánh giá;

b. Các tiêu chí cần được diễn đạt theo phổ điểm đi từ mức cao nhất đến mức thấp nhất hoặc ngược lại;

c. Các mô tả (diễn đạt) của các tiêu chí phải chỉ ra được ranh giới giữa các mức độ hoàn thành đối với từng người học và giữa người học với nhau;

d. Các mô tả tiêu chí phải tập trung vào cách người học phát triển và thể hiện các chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cần đạt;

đ. Các mô tả tiêu chí phải chỉ ra được những định hướng mà người học hoặc giảng viên cần hướng tới để thực hiện mục tiêu, giúp họ tự đánh giá và cùng đánh giá kết quả thực hiện.

5. Cấu trúc của rubrics:

a. Các tiêu chí (Criteria): Các khía cạnh liên quan sẽ được đánh giá (ví dụ: hình thức, nội dung, bố cục... hoặc thái độ, nội dung, kết luận... hoặc lý luận, minh chứng, triển khai...)

b. Các mô tả (Descriptors): các tính chất liên quan đến các mặt cần đánh giá (Ví dụ: Các lý luận phải minh họa được và có tính nguyên bản, các minh chứng phải thể hiện sự đa dạng và thuyết phục...).

c. Các mức độ thể hiện (Performace levels): Là thang điểm để xác định mức độ người học đạt được ở mỗi tiêu chí. Thường thang điểm này được điều chỉnh tương ứng với hệ thống điểm hiện hành của hệ thống đào tạo tín chỉ hiện hành của Nhà trường hoặc theo thang A (8,5-10), B (7,0-8,4), C (5,5-6,9), D (4,0-5,4), F (0-3,9).

Ví dụ về mẫu Rubrics phân tích được đề xuất tại Nhà trường:

Tiêu chí đánh giá	**Khoảng điểm theo tiêu chí**					**Trọng số**
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Tiêu chí A						0,6
Tiêu chí B						0,4

6. Quy trình thiết kế rubrics

Bước 1. Xác định mục đích, nhiệm vụ cần đánh giá thông qua rubrics;

Bước 2. Xác định các tiêu chí và thiết kế thang đánh giá

- Giảng viên được phân công liệt kê các tiêu chí và thảo luận theo nhóm hoặc đề xuất thảo luận tại bộ môn qua đó lựa chọn các tiêu chí, phân tích tiêu chí, từ đó xác định các tiêu chí cần thiết, đảm bảo sự tương thích của mỗi tiêu chí đối với hoạt động hay Chuẩn đầu ra học phần cần đánh giá;

- Các đặc điểm của tiêu chí tốt:

+ Có thể quan sát và đo lường được;

+ Quan trọng và cần thiết;

+ Khác biệt với các tiêu chí còn lại;

+ Ngôn ngữ chính xác không gây hiểu lầm.

- Một rubrics thường có khoảng từ 3-6 tiêu chí. Số lượng các tiêu chí của rubrics có thể nhiều hơn đối với các phương pháp kiểm tra, đánh giá một hoạt động lớn hoặc ít hơn đối với các hoạt động đơn giản.

Bước 3. Viết mô tả cho mỗi tiêu chí đánh giá

- Xây dựng mô tả đối mới mỗi mức đánh giá tương ứng theo từng tiêu chí và nên bắt đầu ở mức cao nhất hoặc thấp nhất, sau đó giảm dần hoặc tăng dần. Các mô tả cần rõ ràng , súc tích và bám sát các Chuẩn đầu ra hay nội dung hoạt động cần đánh giá. Các mô tả cần lưu ý tính đo lường được và quan sát được.

- Lập bảng rubrics theo mẫu tại khoản 5, điều này.

Bước 4. Áp dụng thử

Người học thử nghiệm các rubric đối với các bài làm mẫu do giảng viên cung cấp (Nội dung này có thể tạo sự tự tin cho người học bằng cách chỉ cho người học cách giảng viên sử dụng các rubric đánh giá như thế nào. Đồng thời, hoạt động này cũng thúc đẩy sự thống nhất giữa người học và giảng viên về độ tin cậy của các rubric).

Bước 5. Điều chỉnh lại các rubric cho phù hợp với đặc thù của hoạt động kiểm tra, đánh giá, đặc thù của học phần và phản hồi của người học sau khi áp dụng thử.

Bước 6. Sử dụng các rubrics cho hoạt động đánh giá và tự đánh giá hoặc đánh giá đồng cấp đối với người học và giảng viên.

7. Các Rubrics phổ biến (Phụ lục 03)

Giảng viên sử dụng mẫu các Rubrics phổ biến thích hợp với từng hình thức kiểm tra, đánh giá được lựa chọn đánh giá người học. Các Rubrics được công bố công khai cho người học cùng với Đề cương chi tiết học phần chậm nhất vào buổi học đầu tiên của học phần. Nội dung trong từng mẫu Rubrics có thể được điều chỉnh phù hợp với đặc thù của từng học phần.

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 9. Quy trình và trách nhiệm bảo đảm chất lượng trong công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học

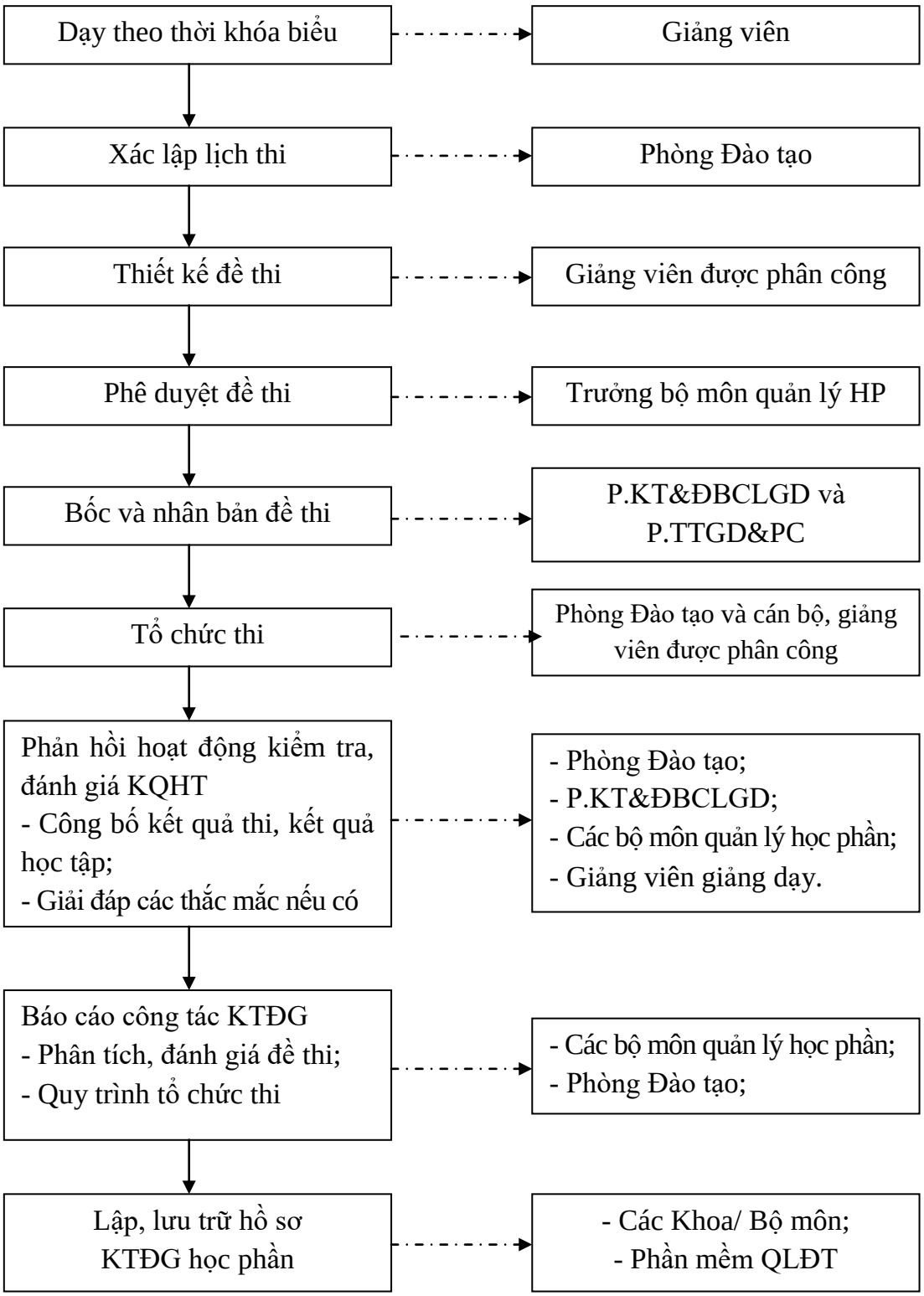

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân

1. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục

a. Là đơn vị chủ trì trong việc ban hành các văn bản hướng dẫn, tổ chức tập huấn cho các đơn vị thực hiện biên soạn đề kiểm tra, đề thi (trắc nghiệm, tự luận), triển khai các hình thức đánh giá đáp ứng các yêu cầu của chuẩn đầu ra của học phần và các tiêu chí đánh giá học phần;

b. Hướng dẫn các Khoa/ Bộ môn trong thiết kế đề thi, ngân hàng câu hỏi thi bảo đảm đo lường và đánh giá theo chuẩn đầu ra của học phần;

c. Triển khai các yêu cầu bảo đảm chất lượng trong công tác kiểm tra, đánh giá người học thông qua các đợt tự đánh giá và kiểm định chất lượng;

d. Báo cáo lãnh đạo Trường về kết quả triển khai thiết kế và thực hiện các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học đáp ứng chuẩn đầu ra sau khi có kết quả đánh giá người học và đề xuất các phương án cải tiến.

2. Phòng Đào tạo

a. Đầu mối hướng dẫn, giám sát các Khoa/ bộ môn xây dựng Đề cương chi tiết học phần theo quy định;

b. Đầu mối lập kế hoạch, tổ chức thi kết thúc học phần; Chuẩn bị tài liệu liên quan đến kỳ thi (túi bài thi, danh sách thi, biên bản coi thi, giấy thi).

3. Phòng Thanh tra giáo dục và pháp chế

a. Giám sát việc tổ chức thi tại Nhà trường, tiến hành ghi nhận các vi phạm quy chế của giảng viên, cán bộ coi thi, đơn vị tổ chức thi, người học; các yếu tố khách quan khác trong quá trình tổ chức thi để bảo đảm tính công bằng, nghiêm túc của kỳ thi.

b. Giám sát quá trình bốc thăm và nhân bản đề thi.

4. Các Khoa/ Bộ môn trực thuộc Trường.

a. Chịu trách nhiệm triển khai và giám sát hoạt động kiểm tra, đánh giá người học và đảm bảo tuân thủ theo các quy định, văn bản hướng dẫn của Nhà trường;

b. Tổ chức nghiên cứu bổ sung các phương pháp kiểm tra, đánh giá và các rubrics vào Đề cương chi tiết các học phần;

c. Chỉ đạo bộ môn quản lý học phần, phê duyệt đề thi tương ứng với các phương pháp kiểm tra, đánh giá cho từng học phần thông qua phê duyệt/ đề xuất phê duyệt Đề cương chi tiết học phần;

d. Chủ trì tổ chức thống kê phổ điểm của các học phần quản lý, triển khai phân tích, đánh giá và đề xuất phương án điều chỉnh phù hợp cho các lần kiểm tra, đánh giá tiếp theo;

5. Giảng viên

a. Thực hiện nhiệm vụ thiết kế các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học; thiết kế các hoạt động kiểm tra, đánh giá, các đề thi, ngân hàng câu hỏi thi theo phân công của Bộ môn;

b. Công bố Đề cương chi tiết học phần, các rubrics và giải thích cho tất cả người học về thang đánh giá trước khi bắt đầu tổ chức hoạt động dạy và học chính thức vào ngày đầu môn học;

c. Đánh giá một cách nhất quán và khách quan tiến trình học tập của người học theo chuẩn đầu ra của học phần được phân công phụ trách;

d. Giải đáp thắc mắc khi có phản hồi của người học đối với kết quả đánh giá quá trình và đề xuất các phương án cải thiện kết quả học tập của người học bảo đảm tốt đa người học đạt chuẩn đầu ra học phần.

Điều 11. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Hướng dẫn áp dụng cho tất cả các hình thức đào tạo tại Trường được tuyển sinh từ năm 2024.

2. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Phòng Đào tạo, Phòng Thanh tra giáo dục và pháp chế, các Khoa/ Bộ môn và giảng viên có trách nhiệm triển khai phổ biến, quán triệt hướng dẫn này đến tất cả các bên liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, các đơn vị tập hợp ý kiến báo cáo về Nhà trường (qua Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục) để xem xét, bổ sung, điều chỉnh./.

PHỤ LỤC 01. CÁC PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TƯƠNG ỨNG VỚI CÁC PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

Thang Bloom	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Phương pháp giảng dạy
Mức 1 (Biết, nhớ)	- Bài kiểm tra ngắn (tự luận, trắc nghiệm); - Thuyết trình	- Thuyết trình - Diễn giải - Nhập vai (Role playing) - Dạy học thực hành
Mức 2 (Hiểu)	- Bài kiểm tra ngắn (tự luận, trắc nghiệm); - Thuyết trình - Bài tập	- Thuyết trình - Diễn giải - Mô hình (Models) - Câu hỏi gợi mở (Inquiry) - Nhập vai (Role playing) - Dạy học thực hành
Mức 3 (Vận dụng)	- Thuyết trình - Bài tập/ Bài kiểm tra/ Bài thi tự luận - Báo cáo Project - Thực hành nhóm - Báo cáo thực tập (Kiến tập)	- Thuyết trình - Diễn giải - Mô hình (Models) - Câu hỏi gợi mở (Inquiry) - Nhập vai (Role playing) - Dạy học thực hành; - Thực tập, thực tế (Fleld Trip); - Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ (Think - Pair - Share); - Dạy học dựa trên vấn đề (Problem based learning); - Học theo tình huống (Case Study)
Mức 4 (Phân tích)	- Thuyết trình - Bài tập/ Bài kiểm tra/ Bài thi tự luận - Báo cáo Project - Báo cáo thực tập (Kiến tập) - Bài tiểu luận - Bài tập lớn - Thực hành - Vấn đáp	- Diễn giải - Học nhóm (Pear Learning) - Dạy học thực hành; - Thực tập, thực tế (Fleld Trip); - Dạy học dựa trên vấn đề (Problem based learning); - Tranh luận (Debates) - Học theo tình huống (Case Study) - Dự án/ Nhóm nghiên cứu (Teaching Research Team)
Mức 5 (Đánh giá)	- Thuyết trình - Bài tập/ Bài kiểm tra/ Bài thi đánh giá năng lực - Báo cáo Project - Báo cáo thực tập (Kiến tập) - Bài tiểu luận/ Bài luận - Bài tập lớn - Thực hành/ Thực hành	- Diễn giải - Học nhóm (Pear Learning) - Dạy học thực hành; - Thực tập, thực tế (Fleld Trip); - Dạy học dựa trên vấn đề (Problem based learning); - Tranh luận (Debates) - Học theo tình huống (Case Study) - Dự án/ Nhóm nghiên cứu (Teaching

Thang Bloom	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Phương pháp giảng dạy
	thí nghiệm - Vấn đáp	Research Team); - Lớp học đảo ngược (Flipped classroom)
Mức 6 (Sáng tạo)	- Thuyết trình - Báo cáo Project/ Dự án - Báo cáo thực tập (Kiến tập) - Bài tiểu luận/ Bài luận - Bài tập lớn - Thực hành/ Thực hành thí nghiệm - Tạo lập mô hình	- Dạy học thực hành; - Thực tập, thực tế (Fleld Trip); - Mô hình (Models); - Dạy học dựa trên vấn đề (Problem based learning); - Học theo tình huống (Case Study) - Dự án/ Nhóm nghiên cứu (Teaching Research Team); - Lớp học đảo ngược (Flipped classroom)

PHỤ LỤC 02. MẪU THIẾT KẾ VÀ PHẢN BIỆN ĐỀ THI

KHOA/BỘ MÔN
BỘ MÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 202...

MA TRẬN THIẾT KẾ ĐỀ THI
VÀ PHẢN BIỆN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ..., năm học 20... - 20...

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1. Tên học phần [(1)]:.....
2. Mã học phần [(2)]:.....
3. Số tín chỉ:.....
4. Trình độ đào tạo [(3)]:.....
5. Hình thức thi [(4)]:.....

II. MA TRẬN THIẾT KẾ ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

1. Thông tin về giảng viên ra đề

1.1. Họ và tên:.....

1.2. Học hàm/học vị:.....

1.3. Bộ môn và đơn vị công tác:.....

2. Thông tin CĐR của học phần được đánh giá thông qua thi kết thúc học phần [(5)]

CLO1: .....

CLO3: .....

....

Chú ý:

- CLO là ký hiệu của của các CĐR tương ứng;

- Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá thông qua thi kết thúc học phần được mô tả trong đề cương chi tiết (Những CLO được đánh giá thông qua bài kiểm tra, bài tiểu luận, thực hành... không đưa vào đây).

3. Mối quan hệ của các câu hỏi với CĐR của học phần [(6)]

	CLO1	CLO3	CLO6	...	...
Đề 1					
Câu 1	x	x			
Câu 2			x	x	
...		x			x
Đề 2					

	CLO1	CLO3	CLO6	...	...
Câu 1					
Câu 2					
...					
Đề...					
...					

(Chú ý: Mỗi đề thi phải phủ được tất cả các CLO đã được liệt kê)

III. MA TRẬN PHẢN BIỆN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN - Lần 1

1. Thông tin về giảng viên phản biện đề

1.1. Họ và tên:.....

1.2. Học hàm/học vị:.....

1.3. Bộ môn và đơn vị công tác:.....

2. Các ý kiến phản biện

2.1. Phân tích câu hỏi thi

Câu	**CLO tương ứng**	**Cấp độ nhận thức** [7]	**Phạm vi kiến thức** [8]
Đề 1			
Câu 1			
Câu 2			
...			
Đề 2			
Câu 1			
Câu 2			
...			
Đề...			
...			

2.2. Đánh giá về đề thi và đáp án, thang điểm

Đề số	**Thời gian làm bài**	**Đáp án, thang điểm**
1		
2		
3		
4		
5		
6		

2.3. Đánh giá về bộ đề thi

- Mức độ đáp ứng CĐR của học phần [9]:

.....

- Tính vừa sức với đối tượng thi [10]:

.....

3. Các ý kiến góp ý (nếu có)

.....

.....

4. Kết luận

.....

(Ghi rõ Bộ đề thi đáp ứng/chưa đáp ứng mục tiêu học phần, đủ/không đủ điều kiện để tổ chức thi).

IV. MA TRẬN PHẢN BIỆN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN - Lần 2 [11]

1. Các ý kiến phản biện lần 2

Câu [12]	**Các nội dung cần chỉnh sửa theo góp ý**	**Kết quả tiếp thu các góp ý**
Đề 1		
Câu 1		
...		
Đề 2		
Câu 2		
...		
Đề...		
...		

2. Kết luận

.....

(Ghi rõ Bộ đề thi đáp ứng/chưa đáp ứng mục tiêu học phần, đủ/không đủ điều kiện để tổ chức thi).

Chú thích các nội dung:

(1) Ghi rõ tên học phần theo Đề cương chi tiết

(2) Ghi rõ mã học phần theo Đề cương chi tiết

(3) Ghi rõ trình độ đào tạo (đại học chính quy, thạc sĩ...)

(4) Ghi rõ hình thức thi theo Đề cương chi tiết: Tự luận, vấn đáp...

(5) Nêu rõ các CĐR tương ứng

(6) Tích "x" vào các ô thể hiện mối quan hệ của các câu hỏi đánh giá các CLO tương ứng.

(7) Xác định cấp độ nhận thức theo thang Bloom 6 mức độ (Nhớ, hiểu, vận động, phân tích, đánh giá và sáng tạo).

(8) Ghi rõ câu hỏi thuộc phạm vi Chương nào của Học phần.

(9) Ghi rõ mức độ đáp ứng CĐR của học phần (CLO): Đáp ứng tất cả các CLO được liệt kê tại Ma trận thiết kế đề thi/ Đáp ứng một phần các CLO, gồm:..../ Chưa đáp ứng các CLO được liệt kê tại Ma trận thiết kế đề thi.

(10) Ghi rõ mức độ đáp ứng năng lực của người học: Phù hợp/Tương đối phù hợp/Chưa phù hợp.

(11) Chỉ triển khai khi Phản biện lần 1 chưa đạt.

(12) Chỉ liệt kê các câu hỏi chưa đạt trong lần phản biện lần 1.

TRƯỞNG BỘ MÔN DUYỆT	**GIẢNG VIÊN PHẢN BIỆN**	**GIẢNG VIÊN RA ĐỀ**
Nguyễn Văn B	**Nguyễn Văn B**	**Nguyễn Văn A**

PHỤ LỤC 03. CÁC MẪU RUBRICS PHỔ BIẾN

(Các Khoa/ Bộ môn và Giảng viên tham khảo để thiết kế các Rubrics phù hợp với từng học phần của từng CTĐT)

Mẫu R01. Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Tham gia học tập trên lớp	Vắng mặt trên lớp quá 30%	Vắng mặt trên lớp từ trên 20-30%	Vắng mặt trên lớp từ trên 10-20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 0-10%	Không vắng mặt trong suốt quá trình học	0,6
Ý thức học tập trên lớp	Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học; có rất nhiều vi phạm trong quá trình học tập	Hiếm khi phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp không hiệu quả; có nhiều vi phạm trong quá trình học tập	Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm trong quá trình học tập	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm trong quá trình học tập	Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm trong quá trình học tập	0,4

Mẫu R02. Đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Hình thức bài thảo luận nhóm	Sơ sài, không đủ dung lượng	Đủ dung lượng, trình bày rõ ràng	Rõ ràng, logic	Rõ ràng, logic, phong phú	Rõ ràng, logic, phong phú, đẹp	0,2
Nội dung bài thảo luận nhóm	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp yêu cầu	Đa số các nội dung không phù hợp yêu cầu, luận giải không rõ ràng	Một số nội dung chưa phù hợp yêu cầu, chưa luận giải rõ ràng	Nội dung phù hợp yêu cầu, luận giải rõ ràng	Nội dung rất phù hợp yêu cầu, luận giải rất rõ ràng và rất dễ hiểu	0,6

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Mức độ tham gia	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp tác với nhóm rất thấp; không hoàn thành nhiệm vụ được giao	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp tác với nhóm thấp; hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức rất thấp	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp tác với nhóm trung bình; hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức trung bình	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp tác với nhóm tích cực; có đóng góp tương đối hiệu quả; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp tác với nhóm rất tích cực; có đóng góp rất hiệu quả; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao	0,2

Mẫu R03. Đánh giá thuyết trình cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Nội dung	Chưa chuẩn bị bài hoặc bài không đúng nội dung hoặc lạc đề; Không chính xác, nhiều sai sót quan trọng	Thiếu khá nhiều nội dung quan trọng; Thiếu chính xác, khoa học, khá nhiều sai sót quan trọng	Khá đầy đủ, còn thiếu một số nội dung quan trọng; Tương đối chính xác, khoa học, còn một vài sai sót quan trọng	Đầy đủ; Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Phong phú; Chính xác, khoa học	0,3
Cấu trúc và tính trực quan	Không đúng cấu trúc theo hướng dẫn; Rất khó theo dõi	Cấu trúc chưa hợp lý; Rất khó theo dõi	Cấu trúc tương đối hợp lý; Tương đối trực quan	Cấu trúc khá hợp lý; Khá trực quan	Cấu trúc rất hợp lý; Rất trực quan và thẩm mỹ	0,2
Kỹ năng trình bày	Trình bày không rõ ràng, người nghe	Trình bày không rõ ràng, người nghe	Đã trình bày được các nội dung nhưng còn	Rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn	Lôi cuốn, thuyết phục	0,2

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
	không thể hiểu được	phần nào hiểu được	thiếu cuốn hút			
Tương tác với người nghe	Không có tương tác	Tương tác rất ít	Thỉnh thoảng có tương tác nhưng chưa bao quát	Khá tốt, khá bao quát	Tốt, báo quát	0,1
Quản lý thời gian	Quá giờ nhiều	Quá giờ nhưng chấp nhận được	Hoàn thành đúng thời gian, nhưng rất nhiều phần thiếu cân đối.	Hoàn thành đúng thời gian, còn vài phần chưa cân đối	Làm chủ thời gian	0,1
Trả lời câu hỏi	Không trả lời được các câu hỏi	Không trả lời được đa số câu hỏi	Trả lời đúng một số câu hỏi, còn sai sót quan trọng	Trả lời đúng đa số, còn sai sót nhỏ	Trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	0,1

Mẫu R04a. Đánh giá thuyết trình nhóm

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Trình bày Slide *Hoặc* Bài nhận xét phản biện	Slide trình bày quá sơ sài, nhiều lỗi, không có hình ảnh minh họa *Hoặc* Bài nhận xét phản biện quá sơ sài, không đúng yêu cầu	Slide trình bày với số lượng phù hợp, lỗi còn rất nhiều và ít hình ảnh minh họa *Hoặc* Bài nhận xét phản biện sơ sài, rất nhiều nội dung luận giải	Slide trình bày với bố cục logic, thỉnh thoảng còn lỗi, hình ảnh minh họa chưa rõ ràng *Hoặc* Bài nhận xét khá đầy đủ, một số nội dung	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, hầu như không có lỗi, hình ảnh minh họa tương đối đẹp, thể hiện tương đối thành thạo trong trình bày *Hoặc*	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, không có lỗi, hình ảnh minh họa đẹp, thể hiện thành thạo trong trình bày *Hoặc* Bài nhận xét rất đầy	0,5

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
		chưa chặt chẽ	luận giải chưa chặt chẽ	Bài nhận xét đầy đủ, luận giải tương đối chặt chẽ	đủ, sắc sảo, luận giải chặt chẽ	
Thuyết trình, bảo vệ *Hoặc* Nêu câu hỏi phản biện	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định; Phát âm không rõ, giọng nói nhỏ; Người nghe không hiểu; Trả lời câu hỏi yếu *Hoặc* Tư duy phản biện yếu, hầu hết câu hỏi không đúng trọng tâm	Bài trình bày đầy đủ; Giọng nói nhỏ, phát âm không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày; Trả lời câu hỏi kém *Hoặc* Tư duy phản biện kém, nhiều câu hỏi đặt ra không đúng trọng tâm	Phần trình bày có bố cục rõ ràng; Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe; Trả lời câu hỏi trung bình *Hoặc* Tư duy phản biện trung bình; Một số câu hỏi đặt ra chưa đúng trọng tâm	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày; Trả lời câu hỏi chặt chẽ *Hoặc* Tư duy phản biện tương đối chặt chẽ; Câu hỏi phản biện hay	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định; Trả lời câu hỏi sắc sảo, rất chặt chẽ *Hoặc* Tư duy phản biện sắc sảo, chặt chẽ; Câu hỏi phản biện rất hay	0,3
Mức độ tham gia	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận,	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp	0,2

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
	hợp tác với nhóm rất thấp; không hoàn thành nhiệm vụ được giao	tác với nhóm thấp; hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức rất thấp	tác với nhóm trung bình; hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức trung bình	tác với nhóm tích cực; có đóng góp tương đối hiệu quả; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	tác với nhóm rất tích cực; có đóng góp rất hiệu quả; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao	

Mẫu R04b. Đánh giá cá nhân trong làm việc nhóm

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Thời gian tham gia họp nhóm đầy đủ	Chia đều cho số lần họp nhóm					0,2
Thái độ tham gia tích cực	Không kết nối	Có kết nối nhưng đôi khi còn lơ là, phải nhắc nhở	Có kết nối nhưng đôi khi còn lơ là	Kết nối khá tốt khác	Kết nối tốt	0,2
Ý kiến đóng góp hữu ích	Không đóng góp	Có đóng góp; Không hữu ích	Có đóng góp; Tương đối hữu ích	Đóng góp hữu ích	Đóng gop sáng tạo/rất hữu ích	0,2
Thời gian giao nộp sản phẩm đúng hạn	Không nộp	Không nộp/Trễ gây ảnh hưởng không thể khắc phục	Trễ nhiều, có gây ảnh hưởng quan trọng nhưng đã khắc phục	Trễ ít, không gây ảnh hưởng	Đúng hạn	0,1
Chất lượng sản phẩm giao nộp tốt	Không sử dụng được	Đáp ứng một phần yêu cầu, còn sai sót quan trọng	Đáp ứng một phần yêu cầu	Đáp ứng khá tốt yêu cầu	Đáp ứng tốt/sáng tạo	0,3

Mầu R05. Đánh giá bài tập lớn

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Lý thuyết	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp yêu cầu	Hầu như các nội dung không phù hợp yêu cầu, luận giải không rõ ràng	Một số nội dung chưa phù hợp yêu cầu, chưa luận giải rõ ràng	Nội dung đáp ứng cơ bản yêu cầu yêu cầu, luận giải rõ ràng	Nội dung rất phù hợp yêu cầu, luận giải rất rõ ràng và rất dễ hiểu	0,2
Bài tập tình huống	Chưa xử lý/làm rõ được tình huống, cách thức xử lý quá sơ sài, nhiều lỗi, không có ví dụ minh họa	Xử lý tình huống đơn giản, chưa phân tích cụ thể tình huống, chưa có minh chứng đi kèm.	Xử lý tình huống đơn giản, có phân tích tình huống, minh chứng đi kèm sơ sài	Xử lý tình huống tốt, có phân tích tình huống, có minh chứng đi kèm nhưng chưa đầy đủ.	Xử lý tình huống tốt, có phân tích tình huống cụ thể, chính xác, có dự báo được bối cảnh, hướng đi của tình huống; có minh chứng đi kèm đầy đủ.	0,6
Mức độ tham gia đối với trường hợp bài tập tình huống của nhóm	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận tình huống, hợp tác với nhóm rất thấp; không hoàn thành nhiệm vụ được giao;	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận tình huống, hợp tác với nhóm thấp; hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức rất thấp	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận tình huống, hợp tác với nhóm trung bình; hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức trung bình	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận tình huống, hợp tác với nhóm tích cực; có đóng góp tương đối hiệu quả; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận tình huống, hợp tác với nhóm rất tích cực; có đóng góp rất hiệu quả; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao	0,2

Mẫu R06. Đánh giá báo cáo chuyên đề Seminar

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Nội dung đầy đủ	Không có nội dung	Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ	Phong phú	0,5
Trình bày báo cáo rõ ràng	Không rõ ràng; Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Thiếu rõ ràng; Lập luận có dựa vào căn cứ khoa học nhưng còn một sai sót quan trọng	Tương đối rõ ràng; Lập luận có dựa vào căn cứ khoa học, còn một vài sai sót nhỏ	Khá mạch lạc, rõ ràng; Lập luận khá khoa học và logic	Mạch lạc, rõ ràng; Lập luận khoa học và logic	0,2
Tương tác với người nghe tốt	Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác; Trả lời sai tất cả các câu hỏi quan trọng	Có tương tác bằng mắt và các cử chỉ cơ thể; trả lời tương đối thỏa đáng một số câu hỏi quan trọng, còn nhiều câu chưa trả lời được	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ; trả lời tương đối thỏa đáng một số câu hỏi quan trọng.	Tương tác khá tốt; trả lời khá thỏa đáng đa số câu hỏi quan trọng	Tương tác tốt; trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng tất cả các câu hỏi quan trọng	0,2
Sự phối hợp trong nhóm chặt chẽ (*)	Không thể hiện sự phối hợp	Nhóm có phối hợp nhưng chưa tốt	Nhóm phối hợp khá tốt	Nhóm phối hợp tốt	Nhóm phối hợp rất tốt	0,2

(*) Nếu là bài thuyết trình cá nhân, GV phân bổ lại điểm của tiêu chí này cho các Tiêu chí khác.

Mẫu R07. Đánh giá bài tập thực hành (nhóm)

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Thái độ tham dự tích cực	Không tham gia thảo luận	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận	Có tham gia thảo luận	Tích cực tham gia thảo luận	Rất tích cực tham gia thảo luận	0,2
Kết quả thực hành đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu; Không giải thích được	Kết quả thực hành đáp ứng tương đối các yêu cầu, có một vài sai sót quan trọng; Giải thích chưa rõ ràng, còn sai sót quan trọng trong lập luận	Tương đối đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có một vài sai sót; Giải thích tương đối rõ ràng.	Khá đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ; Giải thích khá rõ ràng.	Đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu; Giải thích và lập luận rõ ràng	0,6
Báo cáo thực hành đúng qui định	Điểm tuỳ theo mức độ đáp ứng				Đúng format và đúng hạn	0,2

Mẫu R08. Đánh giá đi thực tế (Field Trip)

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Thái độ tham dự tích cực	Không tuân thủ, sai không điều chỉnh; Không thảo luận	Có tuân thủ nhưng chưa nghiêm túc, có điều chỉnh nhưng chưa đúng; Ít thảo	Tuân thủ tương đối nghiêm túc, còn sai sót và có điều chỉnh; Có thảo luận	Tuân thủ khá nghiêm túc qui định; Tích cực thảo luận	Tuân thủ nghiêm túc qui định; Rất tích cực thảo luận	0,3

		luận				
Phương pháp thu thập thông tin, số liệu khoa học	Sai sót quan trọng nhưng không điều chỉnh theo góp ý	Sai sót quan trọng, có điều chỉnh theo góp ý nhưng chưa đảm bảo	Tương đối phù hợp, còn sai sót quan trọng nhưng có điều chỉnh theo góp ý	Khá phù hợp, còn sai sót nhỏ	Hoàn toàn phù hợp	0,3
Học được bài học kinh nghiệm có giá trị	Không rút ra được bài học kinh nghiệm	Các bài học rút ra không có ý nghĩa/không phù hợp	Có rút ra bài học nhưng chưa có nhiều ý nghĩa	Rút ra bài học có ý nghĩa	Rút ra bài học rất có giá trị	0,4

Mẫu R09a. Đánh giá thực tập nghề nghiệp tại cơ sở (Dành cho GVHD hoặc Cán bộ giám sát tại cơ sở)

Tiêu chí đánh giá	**Khoảng điểm theo tiêu chí**					**Trọng số**
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Thể hiện sự chuyên cần (tỷ lệ trên tổng số thời gian thực tập)	Vắng trên 30%	Vắng từ 20 đến dưới 30%	Vắng từ 10 đến dưới 20%	Vắng dưới 10%	Tham gia đầy đủ	0,1
Thể hiện đạo đức nghề nghiệp	Sai sót quan trọng và không sửa theo góp ý; Thiếu trách nhiệm	Sai sót quan trọng, có chỉnh sửa theo góp ý nhưng chưa bảo đảm; chưa có trách nhiệm	Có sai sót, đã sửa đổi theo góp ý; Thực hiện phần lớn công việc được giao nhưng đôi khi còn lơ là	Có sai sót nhỏ; Thực hiện nghiêm túc công việc được giao	Tuân thủ nội qui; Tự chủ, tự chịu trách nhiệm	0,2
Giao tiếp hiệu quả	Không giao tiếp hiệu quả	Có giao tiếp nhưng chưa tốt	Thực hiện giao tiếp theo yêu cầu và hoàn thành khá	Thực hiện giao tiếp theo yêu cầu và hoàn thành tốt	Chủ động giao tiếp thành công	0,1
Giải quyết	Không thực hiện	Thực hiện chưa tốt tất	Thực hiện tương đối	Làm tốt phần lớn công	Giải quyết công việc	0,6

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
công việc chuyên môn tốt	công việc chuyên môn;	cả công việc chuyên môn; Có thực hiện nhưng chưa giải quyết vấn đề thực tiễn tại cơ sở, nhiều sai sót quan trọng	tốt công việc, còn hạn chế ở nhiều kỹ năng; Giải quyết tương đối tốt các vấn đề thực tiễn tại cơ sở, còn nhiều hạn chế	việc, còn hạn chế ở một số ít kỹ năng; Giải quyết khá tốt những vấn đề thực tiễn tại cơ sở, còn rất ít hạn chế	chuyên môn một cách sáng tạo; Giải quyết thành công các vấn đề thực tiễn tại cơ sở	

Mẫu R09b. Đánh giá báo cáo thực tập nghề nghiệp tại cơ sở

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Hình thức bài báo cáo	Không đúng kết cấu báo cáo	Thiếu một số nội dung trong kết cấu báo cáo, trình bày có nhiều lỗi hình thức	Thiếu một số nội dung trong kết cấu báo cáo, trình bày có ít lỗi hình thức	Đúng kết cấu, rất ít lỗi hình thức	Đúng kết cấu báo cáo, trình bày đẹp	0,2
Nội dung bài báo cáo	Nội dung không đúng yêu cầu của báo cáo	Chỉ có ít nội dung đúng yêu cầu báo cáo, các nội dung chưa được phân tích	Khá nhiều nội dung đúng yêu cầu của báo cáo, nội dung được phân tích nhưng còn sơ sài, một số nội dung chưa thực sự đúng với điều kiện thực tiễn của đơn vị thực tập	Nội dung phù hợp yêu cầu, nội dung được phân tích đầy đủ, đúng với điều kiện thực tiễn của đơn vị thực tập	Nội dung phù hợp yêu cầu, nội dung được phân tích sâu sắc, dễ hiểu, có minh chứng phfu hợp, đúng với điều kiện thực tiễn của đơn vị thực tập	0,8

Mẫu R10. Đánh giá Project

Tiêu chí đánh giá		Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
		Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Thái độ tham gia	Nêu ý tưởng	Không quan tâm lựa chọn ý tưởng	Chọn ý tưởng trong số được đề nghị	Chọn ý tưởng trong số được đề nghị, giải thích được lý do	Tìm kiếm và đưa ra được ý tưởng khá tốt	Tích cực tìm kiếm và chủ động đưa ra ý tưởng mang tính mới	0,1
	Lập kế hoạch thực hiện	Không hợp lý và không điều chỉnh theo góp ý		Chưa hợp lý, có điều chỉnh theo góp ý	Khá hợp lý, điều chỉnh chút ít theo góp ý	Hoàn toàn hợp lý, không cần điều chỉnh	0,1
Quá trình thực hiện project	Giai đoạn chuẩn bị	Không chuẩn bị được điều kiện nào		Chuẩn bị được một số điều kiện cho việc thực hiện nhưng cần bổ sung thêm mới có thể khởi động	Chuẩn bị được đa số điều kiện cho việc thực hiện, có thể khởi động và bổ sung sau	Chuẩn bị tốt mọi điều kiện cho việc thực hiện project, có thể khởi động ngay	0,1
	Giai đoạn thực hiện	Không thực hiện và triển khai theo kế hoạch	Thực hiện không đúng phương pháp, sai sót không sửa chữa; Triển khai chậm trễ, gây ảnh hưởng không khắc phục được	Thực hiện tương đối đúng phương pháp, sai sót quan trọng và có sửa chữa; Triển khai tương đối đúng kế hoạch, có chậm trễ gây ảnh hưởng nhưng khắc phục được	Thực hiện khá đúng phương pháp, sai sót nhỏ và có sửa chữa; Triển khai khá đúng kế hoạch, có chậm trễ nhưng không gây ảnh hưởng	Thực hiện hoàn toàn đúng phương pháp; Triển khai đúng kế hoạch	0,1
	Mức độ đạt được mục tiêu thành	Ghi thang điểm cụ thể cho từng mục tiêu thành phần (ở mỗi giai đoạn của project)					0,1

Tiêu chí đánh giá		Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
		Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
	phần						
Báo cáo kết quả	Nội dung báo cáo	Báo cáo tiến trình thực hiện; Thuyết minh sản phẩm; Bài học rút ra					0,2
	Trình bày báo cáo	Sử dụng Rubric đánh giá thuyết trình					0,1
	Sản phẩm	Các tiêu chí chấm điểm sản phẩm và thang điểm chi tiết					0,2

Mẫu R11. Đánh giá tiểu luận

Tiêu chí đánh giá		Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
		Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Cấu trúc hợp lý		Không cân đối, không hợp lý	Tương đối cân đối, thiếu hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Cân đối, hợp lý	0,1
Hình thức trình bày chuẩn mực (font chữ, căn lề, fomat, lỗi chính tả…)		Không bảo đảm hình thức trình bày, thể hiện sự cẩu thả, không cầu thị	Thể hiện sự cẩu thả về format và typing, lỗi chính tả rất nhiều	Vài chỗ không nhất quán về format, nhiều lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về format, ít lỗi chính tả	Format nhất quán, không lỗi chính tả	0,1
Nội dung đầy đủ	Các nội dung thành phần	Ghi thang điểm cụ thể cho từng phần nội dung					0,4
	Lập luận	Không chặt chẽ, logic	Thiếu chặt chẽ, logic	Tương đối chặt chẽ, logic; có sai sót quan trọng	Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ	Hoàn toàn chặt chẽ, logic	0,2
	Kết luận	Không phù hợp	Tương đối phù hợp	Khá phù hợp	Phù hợp	Hoàn toàn phù hợp	0,2

Mẫu R12. Đánh giá Khóa luận tốt nghiệp (Final Project)

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Hình thức bài khóa luận	Hình thức trình bày không đúng theo quy định của trường, có nhiều lỗi kỹ thuật đánh máy; Trích nguồn tài liệu tham khảo chưa đúng quy định; Cấu trúc khóa luận logic, thống nhất	Trình bày khóa luận cơ bản theo đúng quy định của trường nhưng vẫn còn nhiều lỗi kỹ thuật; Trích nguồn tài liệu tham khảo chưa đúng quy định; Thiếu một số nội dung trong kết cấu khóa luận	Trình bày khóa luận theo đúng quy định của trường nhưng còn một số lỗi kỹ thuật; Trích nguồn tài liệu tham khảo nhiều phần chưa thống nhất	Hình thức trình bày khóa luận theo đúng quy định của trường, cơ bản không có lỗi chính tả, hình thức; Có hình ảnh, bảng biểu minh hoạt hợp lý; Trích nguồn tài liệu tương đối đầy đủ	Hình thức trình bày khóa luận đúng quy định; Đúng yêu cầu về quy định trích nguồn tài liệu tham khảo; Trình bày đẹp, bảng biểu hình vẽ hợp lý; Có đặt tên bảng biểu hình vẽ phù hợp; Cấu trúc khóa luận phù hợp, logic; Trích nguồn tài liệu tương đối đầy đủ	0,1
Nội dung bài báo cáo	Chưa làm rõ được lý do chọn đề tài nghiên cứu; Không tổng quan tình hình nghiên cứu; Không thể hiện được mục tiêu của đề tài, chưa xác định được các vấn đề cần nghiên cứu; Không xác định được phương pháp nghiên	Làm rõ được một phần lý do chọn đề tài nghiên cứu; Không tổng quan tình hình nghiên cứu; Trình bày mục tiêu của đề tài chưa rõ ràng, xác định chưa đầy đủ các vấn đề cần nghiên cứu; Xác định chưa đầy đủ phương pháp	Cơ bản làm rõ được lý do chọn đề tài nghiên cứu; Tổng quan cơ bản các công trình nghiên cứu có liên quan; Trình bày được mục tiêu của đề tài; xác định được các vấn đề cần nghiên cứu; Xác định được phương pháp nghiên cứu cho	Làm rõ được lý do chọn đề tài nghiên cứu; Tổng quan đầy đủ các công trình nghiên cứu có liên quan; Trình bày được mục tiêu của đề tài, xác định được các vấn đề cần nghiên cứu thống nhất với mục tiêu; Xác định được	Làm rõ được lý do chọn đề tài nghiên cứu; Tổng quan đầy đủ các công trình nghiên cứu có liên quan; Trình bày được mục tiêu của đề tài, xác định được các vấn đề cần nghiên cứu thống nhất với mục tiêu; Xác định được phương pháp nghiên cứu đa dạng và hoàn toàn phù hợp cho đề tài; Đối tượng nghiên cứu hoàn toàn phù hợp với đề	0,8

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
	cứu cho đề tài; Đối tượng nghiên cứu không phù hợp với đề tài; Chưa tổng hợp được các cơ sở lý thuyết có liên quan đến đề tài; Chưa phân tích và làm rõ các nội dung nghiên cứu của đề tài; Phân tích vấn đề không dựa trên cơ sở lý luận; Đưa ra các giải pháp không phù hợp; Vấn đề nghiên cứu không đáp ứng được mục tiêu đặt ra.	nghiên cứu cho đề tài; Đối tượng nghiên cứu chưa hoàn toàn phù hợp với đề tài; Tổng hợp được một số vấn đề lý thuyết có liên quan đến đề tài (chưa đầy đủ); Xây dựng được nội dung nhưng chưa phân tích rõ nội dung nghiên cứu của đề tài; Phân tích vấn đề dựa trên một phần cơ sở lý luận; Các giải pháp đề xuất chưa hoàn toàn phù hợp với vấn đề nghiên cứu; Vấn đề nghiên cứu đáp ứng được một phần mục tiêu đặt ra	đề tài; Đối tượng nghiên cứu phù hợp với đề tài; Tổng hợp được các vấn đề lý thuyết có liên quan đến đề tài; Xây dựng được nội dung nhưng chưa phân tích rõ nội dung nghiên cứu của đề tài; Phân tích vấn đề dựa trên một phần cơ sở lý luận; Các giải pháp đề xuất chưa hoàn toàn phù hợp với vấn đề nghiên cứu; Vấn đề nghiên cứu đáp ứng được một phần mục tiêu đặt ra	phương pháp nghiên cứu phù hợp cho đề tài; Đối tượng nghiên cứu phù hợp với đề tài; Tổng hợp và phân tích được các vấn đề lý thuyết có liên quan đến đề tài; Xây dựng được nội dung và cơ bản phân tích được các vấn đề nghiên cứu của đề tài; Phân tích vấn đề dựa trên cơ sở lý luận; Các giải pháp đề xuất phù hợp với vấn đề nghiên cứu; Vấn đề nghiên cứu đáp ứng mục tiêu đặt ra	tài; Tổng hợp và phân tích được các vấn đề lý thuyết có liên quan và phù hợp với đề tài; Xây dựng được nội dung và phân tích được các vấn đề nghiên cứu của đề tài; Phân tích vấn đề dựa trên cơ sở lý luận và có tính thống nhất; Các giải pháp đề xuất hoàn toàn phù hợp với vấn đề nghiên cứu và gắn với những hạn chế được rút ra; Vấn đề nghiên cứu đáp ứng đầy đủ mục tiêu đặt ra; Giải thích và chứng minh được ý nghĩa thực tiễn của đề tài; Dữ liệu nghiên cứu đảm bảo độ tin cậy, chính xác	

Tiêu chí đánh giá	**Khoảng điểm theo tiêu chí**					**Trọng số**
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Thái độ	Không tích cực trong thu thập thông tin phục vụ nghiên cứu đề tài; Không liên hệ giảng viên hướng dẫn trong thời gian thực hiện khóa luận; Không sửa bài theo góp ý của giảng viên hướng dẫn; Không triển khai đúng kế hoạch thực hiện khóa luận đã đăng ký	Có thực hiện thu thập thông tin phục vụ nghiên cứu đề tài; Có liên hệ với giảng viên hướng dẫn nhưng không thường xuyên trong thời gian thực hiện khóa luận; Có chỉnh sửa theo góp ý của giảng viên hướng dẫn nhưng còn sơ sài; Triển khai đúng chưa đúng kế hoạch thực hiện khóa luận đã đăng ký	Có cố gắng trong việc thu thập thông tin phục vụ nghiên cứu đề tài; Có liên hệ với giảng viên hướng dẫn trong thời gian thực hiện khóa luận; Có cố gắng trong việc chỉnh sửa theo góp ý của giảng viên hướng dẫn nhưng chưa phù hợp; Triển khai đúng kế hoạch thực hiện khóa luận đã đăng ký	Tích cực trong việc thu thập thông tin phục vụ nghiên cứu đề tài; Thường xuyên liên hệ với giảng viên hướng dẫn trong thời gian thực hiện khóa luận; Có cố gắng trong việc chỉnh sửa và cơ bản bám sát với góp ý của giảng viên hướng dẫn; Triển khai đúng kế hoạch thực hiện khóa luận đã đăng ký	Rất tích cực trong việc thu thập thông tin phục vụ nghiên cứu đề tài; Thường xuyên liên hệ với giảng viên hướng dẫn trong thời gian thực hiện khóa luận; Có trao đổi nội dung khóa luận với giảng viên hướng dẫn khi gặp vướng mắc; Có cố gắng trong việc chỉnh sửa, nội dung chỉnh sửa đã bám sát và đúng theo góp ý của giảng viên hướng dẫn; Thực hiện nghiêm túc kế hoạch thực hiện khóa luận đã đăng ký	0,1